

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của UBND xã Xuân Trường)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	483,076	TỔNG SỐ CHI	483,076
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	5,531	I. Chi đầu tư phát triển	129,477
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	166,689	II. Chi thường xuyên	340,369
III. Thu bổ sung	310,856	III. Dự phòng	9,830
- Bổ sung cân đối	307,456	IV. Bổ sung mục tiêu	3,400
- Bổ sung có mục tiêu	3,400		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của UBND xã Xuân Trường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU	THU
		NSNN	NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	1,023,226	483,076
I	Các khoản thu 100%	24,400	5,531
1	Phí, lệ phí	1,200	200
2	Lệ phí trước bạ	13,500	3,100
3	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã	1,000	1,000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500	531
5	Thu khác	8,200	700
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	687,970	166,689
1	Thu từ các doanh nghiệp địa phương quản lý	1,220	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	35,650	35,600
3	Thuế thu nhập cá nhân	14,000	13,900
4	Thu tiền cấp quyền SD đất	635,000	115,387
5	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	2,100	1,802
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã(nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	310,856	310,856
1	- Thu bổ sung cân đối	307,456	307,456
2	- Thu bổ sung có mục tiêu	3,400	3,400

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của UBND xã Xuân Trường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	483,076	129,477	353,599
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển	129,477	129,477	
II	Chi thường xuyên	340,369	-	340,369
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	8,110		8,110
2	Chi Sự nghiệp môi trường	7,506		7,506
3	Chi Sự nghiệp giáo dục	214,627		214,627
4	Chi Sự nghiệp đào tạo	965		965
5	Chi sự nghiệp khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	700		700
6	Chi Sự nghiệp y tế	7,562		7,562
7	Chi Sự nghiệp văn hoá thông tin	2,261		2,261
8	Chi Sự nghiệp phát thanh	1,629		1,629
9	Chi SN TD - TT	259		259
10	Chi đảm bảo xã hội	39,711		39,711
11	Chi quản lý hành chính	49,976		49,976
12	Chi an ninh	3,381		3,381
13	Chi quốc phòng	1,989		1,989
14	Chi khác NS	1,693		1,693
III	Dự phòng ngân sách	9,830		9,830
IV	Chi bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3,400		3,400

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của UBND xã Xuân Trường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của nhân dân			Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách		Nguồn đóng góp
	Tổng số:		256,295		223,789	151,640	96,317	71,051	165,141		
I	Các công trình, dự án hoàn thành đã quyết toán		184,124		184,124	143,962	40,132	40,132	40,132		
1	Nhà 2 tầng 06 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trà thượng, thị trấn Xuân Trường	2018-2019	5,473		5,473	5,199	275	275	275		
2	Công trình cải tạo, sửa chữa khuôn viên trụ sở làm việc Đảng ủy-UBND-UBND thị trấn Xuân Trường	2019-2020	2,704		2,704	2,497	206	206	206		
3	Công trình Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ (Ủy ban)	2019-2020	855		855	725	130	130	130		
4	Nhà 3 tầng và các HM phụ trợ trường Tiểu học xã Xuân Ngọc	2022-2024	9,543		9,543	8,471	1,072	1,072	1,072		
5	Lợp mái tôn trường Mầm non Xuân Ngọc	2022-2023	1,117		1,117	764	353	353	353		
6	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non xã Xuân Ngọc	2023-2024	2,934		2,934	1,541	1,393	1,393	1,393		
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước khu dân cư phố Bùi Chu, xã Xuân Ngọc	2023-2024	130		130	37	93	93	93		
8	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Xuân Ngọc	2023-2024	1,075		1,075	747	328	328	328		
9	Quy hoạch chi tiết: Trường tiểu học Xuân Ngọc	2023-2024	203		203	203	203	203	203		
10	Đường bê tông nội đồng HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp	2024	1,110		1,110	602	509	509	509		
11	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Xuân Ngọc	2024-2025	1,111		1,111	98	1,013	1,013	1,013		
12	Cải tạo nâng cấp chợ Bùi Chu xã Xuân Ngọc	2024-2025	965		965	584	381	381	381		
13	Nhà đa năng, nhà bảo vệ, sửa chữa dãy nhà lớp học 2 tầng, nâng cấp khuôn viên, lắp đặt hệ thống PCCC trường tiểu học xã Xuân Ngọc	2024-2025	8,282		8,282	1,108	7,175	7,175	7,175		
14	Cải tạo sửa chữa trường mầm non xã Xuân Ngọc	2025	1,109		1,109	64	1,045	1,045	1,045		
15	Nâng cấp các HM phụ trợ trường tiểu học xã Xuân Ngọc	2025	1,067		1,067	21	1,047	1,047	1,047		
16	Nhà đa năng, nhà ăn và các HM phụ trợ trường MN xã Xuân Ninh (2022 - 2024)	2022-2024	4,861		4,861	4,025	836	836	836		
17	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Xuân Ninh đoạn từ hàng ông Quang đến cầu Nghĩa trang	2024-2025	9,730		9,730	7,102	2,628	2,628	2,628		
18	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông nội đồng X7 và xây kê dg trục chính nội đồng khu Đồng Trung xã Xuân Ninh	2024-2025	678		678	339	339	339	339		
19	Cải tạo, nâng cấp đường liên xóm, tuyến đường 3 trục đường phía Bắc sông Rộc xã Xuân Ninh	2025	2,416		2,416	2,002	415	415	415		
20	Xây dựng mới Nhà đa năng, cải tạo sửa chữa các phòng học và các HMPT trường THCS xã Xuân Ninh	2024 - 2025	6,847		6,847	1,500	5,347	5,347	5,347		
21	Công trình nâng cấp, cải tạo nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Xuân Trường	2022-2023	857		857	793	64	64	64		
22	Công trình nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học thị trấn Xuân Trường	2022-2023	2,926		2,926	2,519	407	407	407		
23	Công trình Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trạm y tế thị trấn Xuân Trường	2024-2024	197		197	188	9	9	9		
24	Công trình Cải tạo sửa chữa nhà văn hoá thị trấn Xuân Trường	2024-2025	4,368		4,368	3,488	880	880	880		
25	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND thị trấn	2024-2025	698		698	0	698	698	698		
26	Công trình nâng cấp đường giao thông thị trấn Xuân Trường (Đoạn Bắc Cầu, Ngọc Tinh, Hội Khê, Trà Thượng)	2024-2025	9,652		9,652	2,866	6,786	6,786	6,786		
27	Các hạng mục phụ trợ trường mầm non Xã Xuân Tiến	2021-2022	2,713		2,713	2,630	83	83	83		
28	Cải tạo nâng cấp phòng Hội đồng trường MN Xuân Tiến	2022	219		219	213	7	7	7		
29	Nâng cấp kê từ cầu Ông Thu đến giáo họ Vinh Sơn, xóm 10 xã Xuân Tiến	2020-2021	1,112		1,112	1,054	58	58	58		
30	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ xã Xuân Tiến	2022-2023	385		385	375	10	10	10		
31	Các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Xã Xuân Tiến	2022-2023	941		941	909	32	32	32		
32	Các hạng mục phụ trợ trường THCS Xã Xuân Tiến	2022	935		935	908	27	27	27		
33	Cải tạo sửa chữa một số hạng mục trường MN Xuân Tiến	2023	972		972	891	81	81	81		
34	Cải tạo, nâng cấp kê mái Taluy, đường bờ tả kênh và mở rộng đường nhựa bờ hữu đoạn từ cầu Hùng tiến (xóm 2) đến cầu trạm điện (xóm 1) và đoạn từ cầu ông sinh (xóm 2) đến cầu trường mầm non (xóm 5) xã Xuân Tiến	2023-2024	6,490		6,490	6,314	175	175	175		
35	Cải tạo nâng cấp Trạm y tế xã Xuân Tiến	2023-2025	1,030		1,030	997	33	33	33		
36	Nâng cấp đoạn đường từ nhà ông Tuấn đến cầu Ông Thu xóm 10 xã Xuân Tiến	2023-2024	1,068		1,068	987	81	81	81		
37	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Xuân Tiến	2023-2024	2,776		2,776	2,439	337	337	337		
38	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng phục vụ SXNN xã Xuân Tiến	2023-2024	528		528	485	43	43	43		
39	Cải tạo nâng cấp đường bê tông xóm 10 xã Xuân Tiến	2023-2024	717		717	663	54	54	54		
40	Lắp gương cầu lồi, sơn vạch kẻ đường, gỡ giảm tốc, lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn giao thông trên các tuyến đường	2023-2024	306		306	281	24	24	24		
41	Công trình nâng cấp đường từ công gà qua cầu Ông Thu đến giáo họ Vinh Sơn xã Xuân Tiến	2023-2024	987		987	899	88	88	88		
42	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ xóm 2 đi xóm 3 và xóm 1 xã Xuân Tiến	2023-2024	2,727		2,727	2,656	72	72	72		
43	Sửa chữa sạt lở taluy đường đoạn từ cầu trạm điện (Xóm 1) đến cầu Trà Thượng 7 (Xóm 3) xã Xuân Tiến	2023-2024	2,894		2,894	2,781	84	84	84		
44	Cải tạo, nâng cấp đường, kê đoạn từ NVH xóm 2 qua NVH xóm 1 đến trạm điện xóm 1 xã Xuân Tiến	2022-2023	4,698		4,698	4,569	130	130	130		
45	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Xuân Tiến	2022-2023	1,116		1,116	1,050	66	66	66		
46	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ xóm 1 đến xóm 8 xã Xuân Tiến	2024-2025	9,728		9,728	8,903	825	825	825		
47	Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Nam Thăng xã Xuân Hòa	2023-2024	3,859		3,859	3,643	216	216	216		
48	Công trình mở rộng đường bê tông thôn Đoài Ngoại	2024	695		695	665	31	31	31		
49	Công trình nạo vét bùn và san lấp mặt bằng phần diện tích 15 lô đất để đầu đất gần dân (thuộc vị trí tái định cư số 2 thôn Hiệp Hòa - xã Xuân Hòa)	2024	982		982	979	3	3	3		
50	Công trình nâng cấp đoạn đường từ cầu xóm 6 thôn Hiệp Hòa đến cầu xóm 4 thôn Đoài Ngoại xã Xuân Hòa	2023-2024	9,748		9,748	9,425	323	323	323		
51	Cải tạo nâng cấp đường bê tông xóm 10 thôn Tiên Phong xã Xuân Hoà	2024	732		732	697	35	35	35		
52	Xây dựng bể xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư xóm 14 Xuân Hoà xã Xuân Phúc	2024	407		407	395	12	12	12		
53	Làm kê tuyến sông từ đường 489C đến Giáo họ Vinh Sơn xã Xuân Tiến	2025	4,808		4,808	4,593	216	216	216		
54	Công trình cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Xuân Hòa (đoạn từ cầu UBND xã đến cầu nhà Ông Trinh thôn Đoài Ngoại)	2024	9,700		9,700	9,233	467	467	467		
55	Cải tạo nâng cấp đường giao thông khu dân cư số 2 thôn Nam Thăng xã Xuân Phúc	2024-2025	659		659	630	29	29	29		
56	Cải tạo nâng cấp khu dân cư thôn Đoài ngoại	2025	1,120		1,120	1,120	1,120	1,120	1,120		
57	Công trình cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ xã Xuân Hoà	2024-2025	1,050		1,050	1,022	28	28	28		
58	Cải tạo các hạng mục phụ trợ và PCCC Trường Tiểu học Xuân Kiên	2024	1,368		1,368	1,242	126	126	126		
59	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã đoạn từ từ đường họ Phạm đến giáp Xuân Tiến	2024-2025	5,369		5,369	5,284	85	85	85		
60	Kiên cố kênh mương TT2-2 đoạn từ cầu xóm 5 đến xóm 6 Xuân Kiên	2024-2025	5,379		5,379	4,886	492	492	492		
61	Nạo vét, nâng cấp kênh xóm 1 xã Xuân Kiên	2023-2024	818		818	800	19	19	19		
62	Trường Tiểu học xã Xuân Kiên và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	6,276		6,276	6,234	41	41	41		
63	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ xã Xuân Kiên	2023-2024	498		498	494	4	4	4		
64	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục Trường THCS xã Xuân Kiên	2024	1,920		1,920	1,911	9	9	9		
65	Cải tạo, nâng cấp đường kê rãnh thoát nước từ công làng NVH xóm 19b cũ Xuân Kiên	2024-2025	2,936		2,936	2,134	802	802	802		
66	Chi trả tiền xây lắp công trình cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh, xây tường bao nhà văn hoá, đầu tư hệ thống truyền thanh thông minh xã Xuân Hoà	2024-2025	925		925	855	71	71	71		
67	Xây dựng sân thể dục ngoài trời Trường THCS Xuân Tiến	2025	297		297	288	9	9	9		
68	Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh, nhà để xe giáo viên, học sinh và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Xuân Ninh	2025	1,134		1,134	1,108	26	26	26		
69	Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện lớp học trường Mầm non Xuân Tiến	2025	188		188	160	28	28	28		
II	Các công trình, dự án đang triển khai thực hiện		56,957		39,665	7,678	47,185	30,918	47,185		
1	Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu trung tâm xã đến đường khu dân cư số 1 thôn Nam Thăng, xã Xuân Phúc	2024 - 2026	9,980		4,600	4,092	5,888	508	5,888		
2	Cải tạo nâng cấp đường xóm 5,6 Xuân Kiên, xã Xuân Phúc	2025 - 2026	2,789		2,424		2,789	2,424	2,789		
3	Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã từ cầu trung tâm xã đến cầu Cái Muối xã Xuân Phúc	2025 - 2026	4,999		4,150		4,999	4,150	4,999		
4	Làm kê, cầu, đường khu vực Xuân Tiến xã Xuân Phúc	2025 - 2026	9,996		8,789		9,996	8,789	9,996		
5	Công trình cải tạo, nâng cấp đường bê tông từ cầu Ông Tấn xóm 8 thôn Ngọc Liên đến cầu Công Ba xóm 7 thôn Hiệp Hòa xã Xuân Phúc	2025 - 2026	4,993		4,400		4,993	4,400	4,993		
6	Kiên cố kênh đoạn từ cầu đường mới đến cống Ông Tuyết xã Xuân Phúc	2025 - 2026	9,990		7,032		9,990	7,032	9,990		
7	Xây dựng nhà hiệu bộ, phòng chức năng, phòng học bộ môn 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường MN Xuân Kiên xã Xuân Phúc	2025 - 2026	7,998		3,085		7,998	3,085	7,998		
8	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Xuân Ninh	2025 - 2026	2,217		1,600		217	217	217		
9	Cải tạo nâng cấp nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trụ sở Đảng ủy xã	2025 - 2026	1,995		1,760	1,760	190	190	190		
10	Cải tạo nâng cấp nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ trụ sở HĐND-UBND xã, Trung tâm phục vụ HCC xã	2025 - 2026	1,999		1,826	1,826	124	124	124		
III	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ		15,215				9,000		9,000		
1	Cải tạo nâng cấp đường liên thôn 28, 30 xã Xuân Trường	2026-2027	4,400				2,000		2,000		
2	Cải tạo, nâng cấp kê vỉa hè đường trước công trường mầm non Xuân Đức, xã Xuân Trường	2026-2027	1,400				1,000		1,000		
3	Cải tạo, nâng cấp 3 tuyến đường giao thông liên thôn 41-42 xã Xuân Trường	2026-2027	4,415				2,000		2,000		
4	Sửa chữa, nâng cấp chợ Ấp thôn 35 xã Xuân Trường	2026-2027	1,500				1,000		1,000		
5	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - viễn thông xã Xuân Trường	2026-2027	2,000				2,000		2,000		
6	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục phụ trợ trường Mầm non Xuân Trường điểm Trung tâm	2026-2027	1,500				1,000		1,000		
IV	SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ ĐỂ BỔ TRÍ VỐN KHỎI CÔNG MỐI CHO CÁC DỰ ÁN HIỆN NAY ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NHƯNG DỰ KIẾN TRONG NĂM SẼ HOÀN THÀNH CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ; HOẶC BỔ SUNG VỐN CHO CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CÁN ĐẦY NHANH TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN								68,824		